

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **59**/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày **19** tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Dự toán thu, chi ngân sách địa phương; mức bổ sung cho ngân sách cấp huyện, cấp xã và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2017; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN KHÓA X KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2017;

Thực hiện Quyết định số 2309/QĐ-TTg ngày 29/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29/11/2016 của Bộ Tài chính giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 184/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Hội đồng nhân dân tỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương; mức bổ sung cho ngân sách cấp huyện, cấp xã và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2017; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020, cụ thể:

1. Nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh.
2. Nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách huyện, thành phố.
3. Nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn.

(Đính kèm phụ lục 1 chi tiết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận).

4. Thời điểm áp dụng từ năm ngân sách 2017.

5. Thời kỳ ổn định ngân sách được tính từ năm 2017 đến năm 2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Dự toán thu, chi ngân sách địa phương; mức bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố (kể cả xã, phường, thị trấn) và phương án phân bổ ngân sách tỉnh Ninh Thuận năm 2017, cụ thể:

1. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2017 (đính kèm phụ lục 2).
2. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2017 (đính kèm phụ lục 3).
3. Mức bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố (bao gồm ngân sách xã, phường, thị trấn) (đính kèm phụ lục 4).
4. Phương án phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh (đính kèm phụ lục 5).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khoá X, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.


Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu – UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thanh

 **PHỤ LỤC 1**
PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH
CÁC CẤP NGÂN SÁCH Ở ĐỊA PHƯƠNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số. **59**/2016/NQ-HĐND
ngày **19** tháng **12** năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh

1. Nguồn thu của ngân sách tỉnh (các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%)

- Các khoản thu thuế: giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước, tài nguyên từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, công thương nghiệp ngoài quốc doanh, lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân từ các doanh nghiệp, người nộp thuế do Cục thuế trực tiếp quản lý;

- Các khoản thu thuế: giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tài nguyên của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

- Thuế bảo vệ môi trường;

- Tiền sử dụng đất của các dự án, công trình do tỉnh quản lý và đầu tư;

- Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh;

- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh xử lý;

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

- Các khoản thu hồi vốn của ngân sách tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp 100% nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu;

- Thu từ quỹ dự trữ tài chính của tỉnh;

- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trực thuộc tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Phí, Lệ phí do các cơ quan nhà nước trực thuộc tỉnh thực hiện thu;
- Thu từ các đơn vị sự nghiệp do tỉnh quản lý nộp ngân sách theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu huy động cho ngân sách tỉnh của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước bao gồm: huy động theo quy định của pháp luật; huy động đóng góp tự nguyện để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng; đóng góp tự nguyện khác;
- Các khoản tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trực thuộc tỉnh thực hiện;
- Thu kết dư ngân sách tỉnh;
- Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật;
- Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang;
- Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho ngân sách tỉnh của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh

a) Chi đầu tư phát triển

- Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp tỉnh quản lý;
- Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- Phần chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện;
- Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi thường xuyên

- Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình, xã hội, văn hóa - thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục - thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do các cơ quan cấp tỉnh quản lý:

+ Sự nghiệp giáo dục: hệ thống trường Trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú; trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh; Trung tâm giáo dục hòa nhập, các hoạt động giáo dục khác do tỉnh quản lý.

+ Sự nghiệp đào tạo: cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, Trường Chính trị tỉnh, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.

+ Sự nghiệp y tế: phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác trên địa bàn tỉnh.

+ Dân số và Kế hoạch hóa gia đình: các hoạt động dân số, kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh.

+ Sự nghiệp xã hội: các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội, các hoạt động xã hội và thực hiện các chính sách xã hội khác thuộc nhiệm vụ của các cơ quan cấp tỉnh.

+ Sự nghiệp văn hóa: bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác thuộc nhiệm vụ của các cơ quan cấp tỉnh.

+ Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin-truyền thông khác.

+ Sự nghiệp thể dục - thể thao: bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục - thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác.

+ Sự nghiệp khoa học, công nghệ: nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

- Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp tỉnh.

- Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc tỉnh, các đơn vị thuộc ngành dọc hay các đơn vị khác khi có sự phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ của tỉnh.

- Chi thực hiện chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp tỉnh quản lý.

- Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp tỉnh quản lý:

+ Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác do tỉnh quản lý và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường theo quy định do tỉnh quản lý.

+ Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do tỉnh quản lý; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư của các đơn vị trực thuộc tỉnh; khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc nhiệm vụ của các cơ quan cấp tỉnh.

+ Chi công tác quy hoạch, quản lý đất đai theo phân cấp.

+ Điều tra cơ bản.

+ Các hoạt động sự nghiệp về môi trường do tỉnh quản lý.

+ Các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác do cấp tỉnh quản lý.

- Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

- Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

c) Chi trả nợ lãi các khoản do tỉnh vay theo quy định

d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh

đ) Chi bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố

e) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách tỉnh

II. Nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách huyện, thành phố

1. Nguồn thu của ngân sách huyện, thành phố (*các khoản thu ngân sách huyện, thành phố hưởng 100%*)

- Khoản thu thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương; các khoản thuế: giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước, tài nguyên thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh, lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân từ các doanh nghiệp, người nộp thuế do Chi cục thuế trực tiếp quản lý;

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

- Tiền sử dụng đất của các dự án, công trình do huyện, thành phố quản lý và đầu tư;

- Tiền thuê mặt đất, mặt nước;

- Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc huyện, thành phố;

- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thành phố xử lý;

- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trực thuộc huyện, thành phố thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Phí, lệ phí do các cơ quan nhà nước trực thuộc huyện, thành phố thực hiện thu;

- Thu từ các đơn vị sự nghiệp do huyện, thành phố quản lý nộp ngân sách theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu huy động cho ngân sách huyện, thành phố của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước bao gồm: huy động theo quy định của pháp luật; huy

động đóng góp tự nguyện để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng; đóng góp tự nguyện khác;

- Các khoản tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trực thuộc huyện, thành phố thực hiện;

- Thu kết dư ngân sách huyện, thành phố;

- Các khoản thu khác của ngân sách huyện, thành phố theo quy định của pháp luật;

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

- Thu chuyển nguồn của ngân sách huyện, thành phố từ năm trước chuyển sang;

- Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho ngân sách huyện, thành phố của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách huyện, thành phố

a) Chi đầu tư phát triển

- Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo nguồn vốn ngân sách được tỉnh phân cấp; riêng đối với thành phố Phan Rang-Tháp Chàm được phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp theo phân cấp, điện chiếu sáng, giao thông đô thị, công trình phúc lợi khác và chi đầu tư kết cấu hạ tầng từ nguồn vốn đóng góp tự nguyện của tổ chức và cá nhân.

- Chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan cấp huyện, thành phố thực hiện.

b) Chi thường xuyên

- Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do các cơ quan huyện, thành phố quản lý:

+ Sự nghiệp giáo dục: hệ thống trường mầm non do huyện, thành phố quản lý; trường tiểu học; trường trung học cơ sở; trường phổ thông dân tộc bán trú; hỗ trợ bổ túc văn hóa; duy trì và nâng cao kết quả giáo dục tiểu học; hỗ trợ nâng cao kết quả phổ cập trung học cơ sở; chống tái mù chữ.

+ Sự nghiệp đào tạo: Trung tâm bồi dưỡng chính trị; đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.

+ Các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, phát thanh - truyền hình, thể dục - thể thao, xã hội do huyện, thành phố quản lý.

+ Các sự nghiệp khác do huyện, thành phố quản lý.

- Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách huyện, thành phố bảo đảm theo quy định của pháp luật về an ninh, quốc phòng;

- Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp huyện, thành phố;

- Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, thành phố: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

- Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc huyện, thành phố, các đơn vị thuộc ngành dọc hay các đơn vị khác khi có sự phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ của huyện, thành phố;

- Chi thực hiện chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp huyện, thành phố quản lý;

- Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp huyện, thành phố quản lý:

+ Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác do huyện, thành phố quản lý.

+ Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, các công trình thủy lợi, công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư của các đơn vị trực thuộc huyện, thành phố.

+ Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, vệ sinh đô thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác.

+ Chi công tác quy hoạch, quản lý đất đai theo phân cấp.

+ Các hoạt động sự nghiệp về môi trường.

+ Các sự nghiệp kinh tế khác.

- Chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan cấp huyện, thành phố thực hiện;

- Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật

c) Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn

d) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

III. Nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn

1. Nguồn thu của ngân sách xã, phường, thị trấn

a) Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%:

- Các khoản phí, lệ phí thu vào ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định;

- Thu từ các đơn vị sự nghiệp do xã, phường, thị trấn quản lý nộp ngân sách theo quy định của pháp luật;

- Tiền đền bù thiệt hại về đất đối với quỹ đất công ích do xã, phường, thị trấn quản lý;

- Các khoản tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do xã, phường, thị trấn thực hiện;

- Các khoản huy động đóng góp cho ngân sách xã, phường, thị trấn của tổ chức, cá nhân, gồm: các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật; các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định đưa vào ngân sách xã, phường, thị trấn để quản lý; các khoản đóng góp tự nguyện khác;

- Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho ngân sách xã, phường, thị trấn của các tổ chức và cá nhân ở ngoài nước;

- Thu kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn;

- Thu chuyển nguồn của ngân sách xã, phường, thị trấn từ năm trước chuyển sang;

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách xã, phường, thị trấn ngân sách huyện, thành phố

Ngân sách xã, phường, thị trấn được hưởng ít nhất 70% số thu ngân sách Nhà nước từ:

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

- Thuế nhà đất;

- Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản;

- Lệ phí trước bạ nhà, đất.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn

a) Chi đầu tư phát triển: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của tỉnh từ nguồn ngân sách và nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân.

b) Chi thường xuyên

- Hoạt động của các cơ quan nhà nước xã, phường, thị trấn; cán bộ thôn, bản, làng, khu vực theo quy định của Trung ương và địa phương;

- Hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt nam cấp xã, phường, thị trấn;

- Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân (sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác nếu có);

- Đóng, hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ chuyên trách, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn và các đối tượng khác theo chế độ quy định;

- Công tác hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội, tuyên truyền quân:

+ Huân luyện dân quân tự vệ do xã, phường, thị trấn triệu tập; các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ; đăng ký nghĩa vụ quân sự, tiễn đưa thanh niên đi nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự.

+ Chi hoạt động của công an xã và các hoạt động tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

+ Các khoản chi an ninh - quốc phòng khác theo quy định của pháp luật.

- Công tác xã hội và hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao do xã, phường, thị trấn quản lý;

- Hoạt động sự nghiệp kinh tế do xã, phường, thị trấn quản lý về giao thông, nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, lâm nghiệp, công tác quản lý đất và các hoạt động công cộng khác;

- Chi chương trình mục tiêu được ngân sách huyện, thành phố giao;

- Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

c) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách xã, phường, thị trấn.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thanh

BIỂU CHI TIẾT (KÈM THEO PHỤ LỤC 1)

Tỷ lệ phân chia các khoản thu ngân sách các cấp

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 39 /2016/NQ-HĐND ngày 19/12/ 2016 của HĐND tỉnh)

Nội dung thu	Phân định giữa tỉnh/thành phố, huyện			
	Tổng số	Tỉnh	Huyện (kể cả xã, thị trấn)	Thành phố (kể cả xã, phường)
	100%	(%)	(%)	(%)
1. Thu từ doanh nghiệp Trung ương				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	100		
- Thuế tài nguyên	100	100		
- Thuế giá trị gia tăng				
+ DN do Cục thuế trực tiếp quản lý thu	100	100		
+ DN do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu	100		100	100
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	100		
2. Thu từ doanh nghiệp địa phương				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	100		
- Thuế tài nguyên	100	100		
- Thuế giá trị gia tăng	100	100		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	100		
3. Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	100		
- Thuế tài nguyên	100	100		
- Thuế giá trị gia tăng	100	100		
4. Thu từ khu vực công thương nghiệp - NQD				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
+ Của đối tượng do Cục thuế trực tiếp quản lý thu	100	100		
+ Của đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu	100		100	100
- Thuế tài nguyên				
+ Của đối tượng do Cục thuế trực tiếp quản lý thu	100	100		
+ Của đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu	100		100	100
- Thuế giá trị gia tăng				

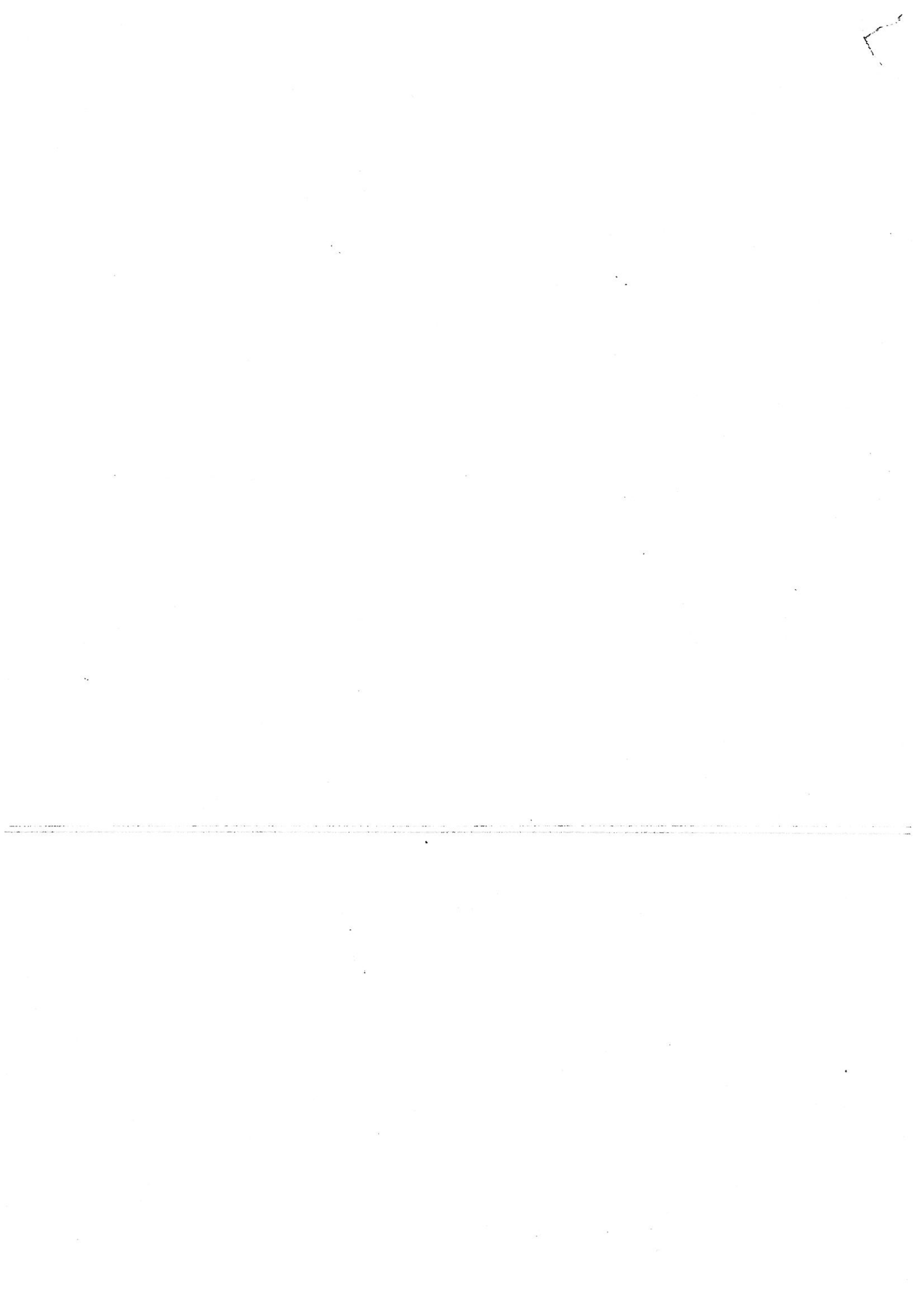
hc

Nội dung thu	Phân định giữa tỉnh/thành phố, huyện			
	Tổng số	Tỉnh	Huyện (kể cả xã, thị trấn)	Thành phố (kể cả xã, phường)
	100%	(%)	(%)	(%)
+ Của đối tượng do Cục thuế trực tiếp quản lý thu	100	100		
+ Của đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu	100		100	100
- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
+ Của đối tượng do Cục thuế trực tiếp quản lý thu	100	100		
+ Của đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu	100		100	100
5. Thuế thu nhập cá nhân				
+ Của đối tượng do Cục thuế trực tiếp quản lý thu	100	100		
+ Của đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu	100		100	100
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100		100	100
7. Thu tiền sử dụng đất				
- Các công trình, dự án do tỉnh quản lý và đầu tư	100	100		
- Các công trình, dự án do huyện, thành phố quản lý và đầu tư	100		100	100
8. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100		100	100
9. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	100		100	100
10. Thuế bảo vệ môi trường	100	100		
11. Lệ phí trước bạ	100		100	100
12. Phí và lệ phí				
- Của đối tượng do Cục thuế trực tiếp quản lý thu	100	100		
- Của đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu	100		100	100
13. Thu khác ngân sách				
+ Của đối tượng do Cục thuế trực tiếp quản lý thu	100	100		
+ Của đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu	100		100	100
14. Thu cố định tại xã	100		100	100
15. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	100	100		
16. Thu Xổ số kiến thiết	100	100		

PHỤ LỤC 2
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: **59** /NQ-HĐND
ngày **19** tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2017: 2.140 tỷ đồng
 - Thu nội địa: 2.110 tỷ đồng
 - + Thu tiền sử dụng đất: 63 tỷ đồng;
 - + Thu xổ số kiến thiết: 70 tỷ đồng;
 - + Thuế, phí, lệ phí và thu khác ngân sách: 1.977 tỷ đồng.
 - Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 10 tỷ đồng
 - Các khoản thu quản lý qua ngân sách Nhà nước: 20 tỷ đồng.
2. Thu ngân sách địa phương: 3.770,902 tỷ đồng
 - Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn được hưởng theo phân cấp: 1.871,5 tỷ đồng
 - + Thu tiền sử dụng đất: 63 tỷ đồng;
 - + Thu xổ số kiến thiết: 70 tỷ đồng;
 - + Thuế, phí, lệ phí và thu khác ngân sách: 1.738,5 tỷ đồng.
 - Các khoản thu quản lý qua ngân sách Nhà nước: 20 tỷ đồng
 - Thu ngân sách Trung ương bổ sung: 1.879,402 tỷ đồng
 - + Bổ sung cân đối: 1.408,775 tỷ đồng;
 - + Bổ sung có mục tiêu: 470,627 tỷ đồng.



BIỂU CHI TIẾT(KÈM THEO PHỤ LỤC 2)

Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2017

(Kèm theo Nghị quyết số 59 /2016/NQ-HĐND ngày 19 /12/2016 của HĐND tỉnh)

Đơn vị : triệu đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN
<i>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN (A+B)</i>	2.140.000
A. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	2.120.000
I. THU NỘI ĐỊA	2.110.000
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	835.000
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	75.000
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	153.000
4. Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	347.000
5. Lệ phí trước bạ	70.000
6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000
7. Thuế thu nhập cá nhân	105.000
8. Thuế bảo vệ môi trường	255.000
9. Thu phí và lệ phí	44.000
- Phí, lệ phí đơn vị thuộc Trung ương thu	3.000
- Phí, lệ phí đơn vị thuộc tỉnh thu	21.000
- Phí, lệ phí đơn vị thuộc huyện, xã thu	20.000
10. Thu cố định tại xã	6.000
11. Tiền sử dụng đất	63.000
12. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	16.000
13. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	19.000
14. Các khoản thu khác ngân sách	50.000
15. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	70.000
II. THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	10.000
B. CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	20.000
<i>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)</i>	3.820.412
A. CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG(I+II)	3.800.412
I. THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1.871.500
- Các khoản thu 100%	325.250
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm %	1.546.250
II. THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.928.912
- Bổ sung cân đối	1.458.285
- Bổ sung có mục tiêu	470.627
B. CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	20.000

6/12

BIỂU CHI TIẾT (KÈM THEO PHỤ LỤC 2)

Tổng hợp dự toán thu ngân sách địa phương năm 2017

(Kèm theo Nghị quyết số: **59** /2016/NQ-HĐND ngày **19** /12/2016 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung thu	Trong đó										
	Số Bộ Tài chính giao	Tổng số (HĐND tỉnh giao)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, TP	Phan Rang Tháp Châm	Ninh Phước	Ninh Hải	Ninh Sơn	Bắc Ái	Thuận Bắc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B)	2.085.000,000	2.130.000,000	238.500,000	1.545.540,000	345.960,000	34.740,000	44.460,000	46.040,000	4.220,000	14.550,000	25.900,000
A. THU NỘI ĐỊA	2.085.000,000	2.110.000,000	238.500,000	1.537.240,000	334.260,000	32.240,000	41.860,000	45.240,000	4.220,000	13.950,000	25.700,000
1. Thu từ kinh tế quốc doanh	910,000,000	910,000,000	0	897,500,000	12,500,000	7,600,000	300,000	1,000,000	0	2,000,000	1,000,000
1.1. Thu từ doanh nghiệp Trung ương	835,000,000	835,000,000	0	822,500,000	12,500,000	7,600,000	300,000	1,000,000	0	2,000,000	1,000,000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	48,000,000	48,000,000	0	48,000,000	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế tài nguyên	640,000	640,000	0	640,000	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế giá trị gia tăng	204,360,000	204,360,000	0	191,860,000	12,500,000	7,600,000	300,000	1,000,000	0	2,000,000	1,000,000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	582,000,000	582,000,000	0	582,000,000	0	0	0	0	0	0	0
1.2. Thu từ doanh nghiệp địa phương	75,000,000	75,000,000	0	75,000,000	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	21,000,000	21,000,000	0	21,000,000	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế tài nguyên	4,000,000	4,000,000	0	4,000,000	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế giá trị gia tăng	49,950,000	49,950,000	0	49,950,000	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	50,000	50,000	0	50,000	0	0	0	0	0	0	0
2. Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	153,000,000	153,000,000	50,000,000	103,000,000	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	51,000,000	51,000,000	0	51,000,000	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế tài nguyên	10,000	10,000	0	10,000	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế giá trị gia tăng	51,990,000	51,990,000	0	51,990,000	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	50,000,000	50,000,000	50,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Thu từ khu vực công thương nghiệp - NQD	347,000,000	347,000,000	0	205,800,000	141,200,000	66,700,000	12,140,000	19,240,000	25,990,000	2,530,000	4,500,000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	29,000,000	29,000,000	0	18,710,000	10,290,000	5,250,000	1,450,000	1,860,000	540,000	30,000	290,000
- Thuế tài nguyên	15,000,000	15,000,000	0	7,084,000	7,916,000	910,000	740,000	3,800,000	1,146,000	330,000	710,000
- Thuế giá trị gia tăng	301,800,000	301,800,000	0	179,996,000	121,804,000	59,580,000	9,810,000	13,550,000	24,274,000	2,170,000	3,500,000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1,200,000	1,200,000	0	10,000	1,190,000	960,000	140,000	30,000	30,000	0	30,000
4. Thuế thu nhập cá nhân	105,000,000	105,000,000	0	72,100,000	32,900,000	19,300,000	3,300,000	3,400,000	3,700,000	300,000	2,200,000
5. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	50,000,000	63,000,000	0	37,000,000	26,000,000	15,000,000	2,000,000	3,000,000	1,600,000	100,000	3,000,000
- Các công trình, dự án do tỉnh quản lý và đầu tư		37,000,000	0	37,000,000	0	0	0	0	0	0	0
- Các công trình, dự án do huyện, thành phố quản lý và đầu tư		26,000,000	0	0	26,000,000	15,000,000	2,000,000	3,000,000	1,600,000	100,000	3,000,000
7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2,000,000	2,000,000	0	0	2,000,000	1,750,000	60,000	60,000	110,000	10,000	10,000
8. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	16,000,000	16,000,000	0	0	16,000,000	8,550,000	1,600,000	1,000,000	2,000,000	50,000	1,800,000
9. Thuế bảo vệ môi trường	255,000,000	255,000,000	160,100,000	94,900,000							

Nội dung thu	Trong đó											
	Số Bộ Tài chính giao	Tổng số (HĐND tỉnh giao)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, TP	Phạm Rang (Tháp Chàm)	Ninh Phước	Ninh Hải	Ninh Sơn	Bắc Ái	Thuận Bắc	Thuận Nam
10. Lệ phí trước bạ	70,000,000	70,000,000	0	0	70,000,000	41,800,000	7,500,000	8,200,000	5,700,000	500,000	1,500,000	4,800,000
11. Phí lệ phí	42,000,000	44,000,000	3,000,000	21,000,000	20,000,000	7,400,000	2,160,000	3,200,000	3,100,000	360,000	1,700,000	2,080,000
- Trung ương thu	2,000,000	3,000,000	3,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Địa phương thu	40,000,000	41,000,000	0	21,000,000	20,000,000	7,400,000	2,160,000	3,200,000	3,100,000	360,000	1,700,000	2,080,000
12. Thu khác ngân sách	45,000,000	50,000,000	24,000,000	18,340,000	7,660,000	1,550,000	1,080,000	2,260,000	1,340,000	300,000	610,000	520,000
Trong đó: Thu phạt ATGT trung ương hưởng	24,000,000	24,000,000	24,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- thu phạt VPATGT co CA huyện và các đơn vị cấp huyện thực hiện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Thu khác	21,000,000	26,000,000	0	18,340,000	7,660,000	1,550,000	1,080,000	2,260,000	1,340,000	300,000	610,000	520,000
13. Thu cố định tại xã	6,000,000	6,000,000	0	0	6,000,000	1,400,000	1,800,000	1,200,000	700,000	70,000	630,000	200,000
14. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	19,000,000	19,000,000	1,400,000	17,600,000	0	0	0	0	0	0	0	0
15. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	65,000,000	70,000,000	0	70,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0
B. CÁC KHOẢN THU QUẢN LÝ QUA NS		20,000,000	0	8,300,000	11,700,000	5,000,000	2,500,000	2,600,000	800,000	0	600,000	200,000
- Thu phí, lệ phí		8,000,000	0	1,050,000	6,950,000	4,100,000	600,000	1,400,000	800,000	0	50,000	0
- Thu khác ngân sách		11,100,000	0	7,250,000	3,850,000	0	1,900,000	1,200,000	0	0	550,000	200,000
- Thu cố định tại xã		900,000	0	900,000	0	900,000	0	0	0	0	0	0

PHỤ LỤC 3
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: ~~SN~~ **SN**/NQ-HĐND
ngày **19** tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2017: 3.770,902 tỷ đồng
 - a) Chi cân đối ngân sách địa phương: 3.280,275 tỷ đồng (Chi cân đối ngân sách địa phương chưa tính bội thu: 3.329,785 tỷ đồng)
 - Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 442,98 tỷ đồng;
 - Chi thường xuyên: 2.813,685 tỷ đồng;
 - Giữ nguồn cải cách tiền lương: 5,637 tỷ đồng;
 - Dự phòng: 66,483 tỷ đồng;
 - Bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1 tỷ đồng.
 - b) Chi từ các nguồn thu quản lý qua ngân sách Nhà nước: 20 tỷ đồng
 - c) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia từ ngân sách Trung ương: 470,627 tỷ đồng
 - d) Bội thu ngân sách địa phương: 49,510 tỷ đồng.

Biểu số 01

BIỂU CHI TIẾT (KÈM THEO PHỤ LỤC 3)

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2017

(Kèm theo Nghị quyết số: **69** /NQ-HĐND ngày **19** /12/2016 của HĐND tỉnh)

Đơn vị : triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	3,280,275
	Chi cân đối ngân sách địa phương chưa tính bội thu	3,329,785
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	442,980
	Trong đó :	
1.1	Chi XD CB tập trung trong nước	309,980
1.2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	63,000
1.3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	70,000
2	Chi thường xuyên	2,813,685
2.1	An ninh-quốc phòng	44,708
2.2	Sự nghiệp kinh tế	316,237
2.3	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	15,880
2.4	Sự nghiệp môi trường	61,850
2.5	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	1,176,259
2.6	Sự nghiệp y tế	348,882
2.7	Sự nghiệp phát thanh-truyền hình	15,085
2.8	Sự nghiệp văn hóa-thông tin	28,783
2.9	Sự nghiệp thể dục-thể thao	11,591
2.10	Quản lý hành chính, đảng, đoàn thể, hội	637,455
2.11	Đảm bảo xã hội	134,344
2.12	Chi khác ngân sách	22,611
3	Giữ nguồn cải cách tiền lương	5,637
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1,000
5	Dự phòng ngân sách	66,483
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu, CTMTQG	470,627
III	Chi từ nguồn thu được quản lý qua NSNN	20,000
VI	Bội thu ngân sách địa phương	49,510
	Tổng chi ngân sách địa phương	3,770,902

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Biểu số 02

**BIỂU CHI TIẾT (KÈM THEO PHỤ LỤC SỐ 3)
Tổng hợp dự toán chi ngân sách địa phương năm 2017**

(Kèm theo Nghị quyết số **59** /2016/NQ - HĐND ngày **19** tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính : ngàn đồng

NỘI DUNG	DT Bộ Tài chính giao	DT HĐND tỉnh giao (tổng số)	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, thành phố	CHIA RA							Thuận Bắc	Thuận Nam
					Phan Rang Tháp Chàm	Ninh Phước	Ninh Hải	Ninh Sơn	Bác Ái	Thuận Bắc	Thuận Nam		
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B+C)	3,726,902,000	3,770,902,000	2,228,693,184	1,542,208,816	412,749,871	289,353,364	200,706,739	207,048,351	150,169,221	133,015,982	149,165,288		
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III+IV+V)	3,256,275,000	3,280,275,000	1,749,766,184	1,530,508,816	407,749,871	286,853,364	198,106,739	206,248,351	150,169,221	132,415,982	148,965,288		
Trong đó chi CPNS địa phương tính tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cần đối ngân sách từ NSTW cho NSDP(A+D)	3,305,785,000	3,329,785,000	1,799,276,184	1,530,508,816	407,749,871	286,853,364	198,106,739	206,248,351	150,169,221	132,415,982	148,965,288		
I. Chi đầu tư phát triển	375,470,000	393,470,000	367,470,000	26,000,000	15,000,000	2,000,000	3,000,000	1,600,000	100,000	1,300,000	3,000,000		
-Chi đầu tư phát triển trong nước	260,470,000	260,470,000	260,470,000										
-Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	50,000,000	63,000,000	37,000,000	26,000,000	15,000,000	2,000,000	3,000,000	1,600,000	100,000	1,300,000	3,000,000		
-Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	65,000,000	70,000,000	70,000,000										
II. Chi thường xuyên	2,813,685,000	2,813,685,000	1,339,786,361	1,473,898,639	384,594,874	279,116,297	191,144,604	200,523,384	147,065,837	128,467,662	142,985,982		
1. Chi quốc phòng, an ninh	39,186,000	44,707,763	22,242,360	22,465,403	9,893,693	3,603,528	2,503,295	2,473,149	1,292,992	1,348,033	1,350,714		
- Quốc phòng	26,848,000	25,030,257	15,700,000	9,330,257	2,983,748	1,774,407	1,244,953	1,378,487	518,995	619,227	810,439		
- An ninh	12,338,000	18,933,507	6,542,360	12,391,147	6,909,945	1,829,121	1,258,342	1,094,662	345,997	412,806	540,274		
Bổ sung hằng số DT2016													
2. Chi sự nghiệp kinh tế	364,995,000	304,204,520	175,925,470	128,279,050	56,345,205	16,936,911	12,326,668	15,563,080	6,578,710	10,039,496	10,488,980		

Chữ ký

NỘI DUNG	DT Bộ Tài chính giao	DT HĐND tỉnh giao (tổng số)	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, thành phố	CHIA RA								
					Phan Rang Tháp Chàm	Ninh Phước	Ninh Hải	Ninh Sơn	Bác Ái	Thuận Bắc	Thuận Nam		
<i>Trong đó: KP thực hiện đề án hỗ trợ xây dựng sửa chữa các công trình ghi công liệt sĩ</i> <i>-Thực hiện Đề án chung tay xây dựng Ninh Thuận xanh-sạch đẹp</i> <i>- KP Quy hoạch</i>		1,840,000		1,840,000	200,000	400,000	440,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000
		18,000,000	18,000,000	18,000,000	4,000,000	3,000,000	2,000,000	4,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	3,000,000
<i>- KP SN nông-lâm nghiệp, sự nghiệp thủy sản, giao thông,</i> <i>-KP hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo ND 35/2015/ND-CP</i>		4,800,000	4,800,000	4,800,000	1,440,000	660,000	660,000	660,000	460,000	460,000	460,000	460,000	
		19,049,000	19,049,000	19,049,000	1,205,205	5,876,911	2,226,668	3,703,080	918,710	2,379,496	1,828,980	1,500,000	
3. Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	15,880,000	15,880,000	15,880,000	0									
4. Chi sự nghiệp môi trường	41,800,000	61,850,000	23,350,000	38,500,000	25,000,000	3,000,000	3,000,000	3,000,000	1,500,000	1,500,000	1,500,000	1,500,000	
5. Chi sự nghiệp GD - DT và dạy nghề	1,176,259,000	1,176,259,001	346,617,410	829,641,591	194,007,868	177,123,021	112,516,359	117,380,661	81,596,147	67,991,917	79,025,616	79,025,616	
- Sự nghiệp giáo dục		1,082,264,927	260,152,550	822,112,377	192,660,584	176,030,605	111,322,724	116,438,411	80,590,309	67,061,242	78,008,500	78,008,500	
Trong đó: Kinh phí hỗ trợ tiên ân trẻ em 3-5 tuổi	4,742,000	4,858,480		4,858,480	135,360	446,520	109,080	925,120	1,859,760	952,560	430,080	430,080	
+Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng DBKK	2,494,000	2,521	2,521										
- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề		93,994,074	86,464,860	7,529,214	1,347,284	1,092,416	1,193,635	942,250	1,005,838	930,675	1,017,116	1,017,116	
6. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	332,836,000	361,208,349	359,417,380	1,790,969	526,640	324,740	405,108	216,929	3,920	140,481	173,151	173,151	
Trong đó: Kinh phí mua thẻ BHYT cho người nghèo, DTTS vùng khó khăn; người đang sinh sống tại vùng DBKK, xã đảo, huyện đảo		60,616,570	60,616,570										
-KP mua thẻ BHYT cho học sinh, sinh viên		16,600,930	16,600,930										

NỘI DUNG	DT Bộ Tài chính giao	DT HĐND tính giao (tổng số)	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, thành phố	CHIA RA							
					Phan Rang Tháp Chàm	Ninh Phước	Ninh Hải	Ninh Sơn	Bác Ái	Thuận Bắc	Thuận Nam	
Dự kiến bổ trí thành toán nợ XDCB và các dự án chuyển tiếp (đầu tư theo ngành, lĩnh vực và các chương trình mục tiêu)	186,370,000	186,370,000	186,370,000									
Đội ứng các chương trình, dự án ODA	16,990,000	16,990,000	16,990,000									
2. Vốn sự nghiệp	19,626,000	19,626,000	19,626,000									
- Vốn ngoài nước	19,280,000	19,280,000	19,280,000									
- Vốn trong nước	346,000	346,000	346,000									
+Đề án đảo tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội LH phụ nữ các cấp	155,000	155,000	155,000									
+ Chính sách trợ giúp pháp lý theo QĐ 32/2016/QĐ-TTg	191,000	191,000	191,000									
III. Chi chương trình mục tiêu quốc gia	106,053,000	106,053,000	106,053,000									
1. Vốn Đầu tư phát triển	73,936,000	73,936,000	73,936,000									
-Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới		31,000,000	31,000,000									
- Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững		42,936,000	42,936,000									
2. Vốn sự nghiệp	32,117,000	32,117,000	32,117,000									
- Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới		10,200,000	10,200,000									
- Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững		21,917,000	21,917,000									
C. CHỈ TỤ NGUỒN THU ĐỀ LẠI QUẢN LÝ QUA NS		20,000,000	8,300,000	11,700,000	2,500,000	2,600,000	800,000	600,000	600,000	50,000	200,000	
1. Thu phí, lệ phí		8,000,000	1,050,000	6,950,000	600,000	1,400,000	800,000					
2. Thu khác ngân sách		11,100,000	7,250,000	3,850,000	1,900,000	1,200,000						
3. Thu cổ định tại xã				900,000	900,000							
D. BỘI THU NSDP	49,510,000	49,510,000	49,510,000									
E. TỔNG SỐ VAY TRONG NĂM		62,490,000	62,490,000									

66

NỘI DUNG	DT Bộ Tài chính giao	DT HĐND tỉnh giao (tổng số)	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, thành phố	CHIA RA										
					Phan Rang Tháp Chàm	Ninh Phước	Ninh Hải	Ninh Sơn	Bắc Ái	Thuận Bắc	Thuận Nam				
-KP mua thẻ BHYT cho cựu chiến binh, thanh niên xung phong, đối tượng tham gia kháng chiến Lào, Campuchia		1,758,953	1,758,953												
7. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	15,766,000	15,085,102	10,434,810	4,650,292	1,155,280	912,377	644,276	577,697	559,853	343,618	457,190				
8. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	30,076,000	28,783,003	20,155,660	8,627,343	1,998,884	1,687,162	1,232,363	1,230,702	641,505	808,645	1,028,083				
9. Chi sự nghiệp thể dục thể thao	12,429,000	11,590,502	7,871,280	3,719,222	1,162,568	768,539	541,199	458,213	181,796	258,831	348,075				
10. Chi quản lý hành chính trong cơ cấu từ trước chuyển chế độ chính sách và nhiệm vụ do NS huyện đảm bảo nhưng không đủ nguồn (Bao gồm: hỗ trợ HĐND các cấp, hỗ trợ hội đặc thù xã, KP mua sắm, sửa chữa tài sản cố định và phần 11. Chi bảo đảm xã hội	124,072,000	18,800,000	33,947,460	18,800,000	3,000,000	2,500,000	2,500,000	3,400,000	2,500,000	2,400,000	2,500,000				
Trong đó: KP thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội theo ND136 (kể cả mua BHYT cho đối tượng bảo trợ)		134,344,351	100,396,891	100,396,891	26,804,617	25,875,812	14,316,605	13,301,266	3,899,850	6,989,436	9,209,305				
-KP thực hiện QĐ 102/2009/QĐ-TTg		5,514,260	14,734,361	5,514,260	1,913,407	1,388,638	43,920	1,604,060	1,818,600	1,314,620	406,180				
12. Chi khác	110,562,000	22,067,190	5,637,040	7,332,829	1,913,407	1,388,638	950,968	997,629	731,671	639,143	711,373				
III. Giữ nguồn CCTL		5,637,041	5,637,040												
V. Bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000,000	1,000,000	1,000,000	0											
V. Dự phòng	66,120,000	66,482,960	35,872,783	30,610,176	8,154,997	5,737,067	3,962,135	4,124,967	3,003,384	2,648,320	2,979,306				
B. CHI TỪ NGUỒN TW BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU,CTMTQG	470,627,000	470,627,000	470,627,000												
I. Trung ương bổ sung có mục tiêu	364,574,000	364,574,000	364,574,000												
1. Vốn Đầu tư phát triển	344,948,000	344,948,000	344,948,000												
-Vốn nước ngoài	141,588,000	141,588,000	141,588,000												
-Vốn trong nước	203,360,000	203,360,000	203,360,000												

Handwritten signature

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 4

Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện, thành phố (kể cả xã, phường, thị trấn) năm 2017
(Kèm theo Nghị quyết số: 59 /NQ-HĐND ngày 19 /12/2016 của HĐND tỉnh)

STT	Huyện, thành phố	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Tổng thu NS huyện, thành phố được hưởng theo phân cấp	Dự toán chi NS huyện, thành phố	Số bổ sung từ ngân sách tỉnh	
					Tổng số	Bổ sung cân đối
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5
	Tổng số	392,800,000	334,260,000	1,530,508,816	1,196,248,816	1,196,248,816
1	TP Phan Rang - Tháp Chàm	217,000,000	171,050,000	407,749,871	236,699,871	236,699,871
2	Huyện Ninh Phước	36,000,000	32,240,000	286,853,364	254,613,364	254,613,364
3	Huyện Ninh Hải	46,000,000	41,860,000	198,106,739	156,246,739	156,246,739
4	Huyện Ninh Sơn	46,900,000	45,240,000	206,248,351	161,008,351	161,008,351
5	Huyện Bác Ái	4,500,000	4,220,000	150,169,221	145,949,221	145,949,221
6	Huyện Thuận Bắc	15,000,000	13,950,000	132,415,982	118,465,982	118,465,982
7	Huyện Thuận Nam	27,400,000	25,700,000	148,965,288	123,265,288	123,265,288

Ghi chú: Dự toán thu, chi ngân sách huyện, thành phố, mức bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn và phân bổ dự toán chi ngân sách huyện, thành phố do Hội đồng nhân dân huyện, thành phố quyết định theo quy định pháp luật.

PHỤ LỤC 5
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH
TỈNH NĂM 2017

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 53/NQ-HĐND
ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

* Phương án phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh

Tổng chi ngân sách tỉnh: 2.228,693 tỷ đồng

1. Chi cân đối ngân sách Nhà nước: 1.749,766 tỷ đồng (Chi cân đối ngân sách Nhà nước chưa tính bội thu NSĐP: 1.799,276 tỷ đồng)

+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 416,980 tỷ đồng;

+ Chi thường xuyên: 1.339,786 tỷ đồng;

+ Chi giữ nguồn cải cách tiền lương: 5,637 tỷ đồng;

+ Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1 tỷ đồng;

+ Dự phòng: 35,873 tỷ đồng.

- Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: 470,627 tỷ đồng.

- Chi quản lý qua ngân sách Nhà nước: 8,3 tỷ đồng.

2. Bội thu ngân sách địa phương: 49,510 tỷ đồng.



